

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 05 - 6 - 2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Hòa.

2. Ông Trần Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông S. Địa chỉ: Canada. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện và Đơn xin ly hôn vắng mặt cùng đề ngày 22/02/2018, nguyên đơn bà N trình bày:** Vào khoảng tháng 10/2012, bà có quen biết với ông S khi ông S sang Việt Nam du lịch và thăm hỏi người thân. Qua giới thiệu và tìm hiểu, bà và ông S có tình cảm với nhau nên hai người đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/2013, vào sổ đăng ký kết hôn số 51, quyển số 01/2013 ngày 28/3/2013.

Sau đó, hai người tiến hành các thủ tục đăng ký cấp visa đến định cư tại Canada. Nhưng do hai lần phỏng vấn đều không thành công nên tình cảm giữa hai người không còn như lúc đầu gặp nhau vì thời gian chờ đợi quá lâu (5 năm) đã khiến tình cảm dần rạn nứt, giữa hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về mọi mặt trong sinh hoạt của vợ chồng, khác nhau về múi giờ giữa Canada và Việt Nam khiến giao tiếp hàng ngày không thể trao đổi với nhau được nhiều. Cả hai nhận thấy không còn hòa hợp nữa, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được.

Nay nhận thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía ông S cũng thống nhất ly hôn với bà và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên bà yêu cầu Tòa án sớm giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường mà không cần áp dụng theo quy định tại Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do hiện nay bà đang du học tại lãnh thổ Đài Loan, không thể gián đoạn thời gian học tập để về Việt Nam tham gia tố tụng trong vụ án được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử. Bà cam đoan không khiếu nại gì về sau.

*** Theo Bản trình bày ý kiến về việc xin ly hôn và Đơn xin ly hôn vắng mặt cùng đề ngày 22/02/2018, bị đơn ông S trình bày:** Ông và bà N đã làm xong thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyền số 01/2013 ngày 28/3/2013. Về việc bà N xin ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ông có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Do hiện nay ông đang sinh sống tại Canada và không có điều kiện về Việt Nam nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử. Ông cam đoan không khiếu nại gì về sau và cũng không có kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn N yêu cầu được ly hôn với bị đơn S; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn N và bị đơn S đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn N và bị đơn S.

[3] Ngày 22/02/2018, nguyên đơn N và bị đơn S cùng có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, như vậy trường hợp này xem như nguyên đơn N và bị đơn S không thể tham gia

hòa giải được vì có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[III] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông S là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông S là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn ông S và bà N tiến hành các thủ tục đăng ký cấp visa để bà N đến định cư tại Canada. Nhưng do hai lần phỏng vấn đều không thành công nên tình cảm giữa bà N và ông S không còn như lúc đầu gặp nhau và vì thời gian chờ đợi quá lâu (5 năm) đã khiến tình cảm dần rạn nứt, giữa bà N và ông S bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về mọi mặt trong sinh hoạt của vợ chồng, khác nhau về múi giờ giữa Canada và Việt Nam khiến việc giao tiếp hàng ngày giữa hai người không thể trao đổi với nhau được nhiều. Cả hai đều nhận thấy không còn hòa hợp nữa, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được.

Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông S không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, bất đồng mọi mặt trong cuộc sống cũng như trong quan hệ vợ chồng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà N yêu cầu ly hôn với ông S thì ông S cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N xin được ly hôn với ông S là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà N được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: Bà N và ông S đều trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Bà N và ông S đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.
- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003015 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện A;
- Lưu HSVA-TDS.

Phạm Hùng Nuôi